TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hồng Quân**

2. Ông **Huỳnh Bửu Hòa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17/01/2022, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04/5/2022 và Quyết định hoàn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 19/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Hương G**, sinh năm 2002, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Số 31 Lê Q, phường 4, quận 8, Thành phố M.

Tạm trú: Ấp Lê Văn Q, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh **Lê Khắc H**, sinh năm 1995, vắng mặt không có lý do;

Cư trú tại: Ấp Lê Văn Q, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Hương G trình bày:

Vào ngày 01/10/2020, chị có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Lê Khắc H và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Lê Kim S, sinh ngày 21/9/2021, hiện đang sống với chị G.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh H không quan tâm lo lắng cho gia đình và vợ con, sống không có trách nhiệm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh H đã sống ly thân từ ngày 26/9/2021 cho đến nay.

Chị Ngô Hương G yêu cầu được ly hôn với anh Lê Khắc H. Về con chung: Lê Kim S, sinh ngày 21/9/2021, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Chị Ngô Hương G yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Hương G đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân (Bản phô tô); 01 (Một) sổ hộ khẩu (Bản phô tô); 01 (Một) giấy chứng nhận kết hôn số: 100 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T cấp ngày 01/10/2020; 01 (Một) bản phô tô giấy khai sinh của cháu Lê Kim S.

Đối với bị đơn anh Lê Khắc H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hợp lệ cho anh Lê Khắc H nhưng anh Lê Khắc H không đến Tòa án tham gia tố tụng, anh Lê Khắc H cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn theo thông báo mà Tòa án đã tống đạt nên không thể xác định những tình tiết nào của vụ án các bên thống nhất và không thống nhất. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. Bị đơn anh Lê Khắc H cư trú tại ấp Lê Văn Q, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] Về thủ tục tố tụng*:* Nguyên đơn chị Ngô Hương G có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đúng theo quy định; Bị đơn anh Lê Khắc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt chị G, anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Hương G, anh Lê Khắc H kết hôn với nhau vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện T theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của chị G, anh H là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên trong thời gian sống chung vợ chồng chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc chị G xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị G xác định giữa chị và anh H không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Chị G, anh H đã sống ly thân hơn 01 năm nay, người nào chỉ biết bổn phận của

người đó, bỏ mặc nhau và ai muốn sống ra sao thì sống. Trong khoảng thời gian sống ly thân cũng không ai tìm đến ai, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị G, anh H đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Ngô Hương G được ly hôn với anh Lê Khắc H.

[4] Về con chung: Lê Kim S, sinh ngày 21/9/2021, trong thời gian sống ly thân cho đến nay, chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị G được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị G không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Ngô Hương G khai chị và anh H không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Do Tòa án không thể làm việc trực tiếp với anh Lê Khắc H để biết anh Lê Khắc H có tranh chấp về tài sản với chị G hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn anh Lê Khắc H có tranh chấp về tài sản với chị G thì anh Lê Khắc H được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn với chị Ngô Hương G.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Hương G; Cho chị Ngô Hương G được ly hôn với anh Lê Khắc H.

2. Về con chung: Chị Ngô Hương G được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Kim S, sinh ngày 21/9/2021. Anh Lê Khắc H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị Ngô Hương G không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi

con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Ngô Hương G khai không có nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau khi ly hôn anh Lê Khắc H có tranh chấp về tài sản thì anh Lê Khắc H được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn với chị Ngô Hương G.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Ngô Hương G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002975, ngày 13/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Ngô Hương G đã nộp đủ án phí. Anh Lê Khắc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Hương G, anh Lê Khắc H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.